TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 128/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05-9-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Nguyễn Trọng Khôi**.

2/ Bà **Nguyễn Thị Bé Ngoan**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Thơ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 18/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn H thành hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và vợ chồng đã ly thân 04 năm nay. Nay chị xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 29/9/2012 và Phạm Trung K, sinh ngày 04/10/2018 hiện đang sống cùng gia đình. Chị yêu cầu được nuôi cháu K, để anh H nuôi cháu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn tham gia tố tụng không đầy đủ, vắng mặt không lý do theo giấy triệu tập của Toà án là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Phạm Văn H. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 29/9/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 04/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị T có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011280 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn và nuôi con chung với anh Phạm Văn H cư trú tại ấp V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp

là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T có đơn xin vắng mặt ngày 26/6/2024, bị đơn anh Phạm Văn H được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Phương T và anh Phạm Văn H thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 116 vào ngày 15/11/2012 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị T và anh H thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân 04 năm nay không hàn gắn lại được. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ để Toà án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh H vắng mặt không lý do. Chị T có đơn đề nghị không tiến hành hoà giải do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hoà hợp được nữa. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị T và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Xét thấy con chung tên Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 29/9/2012 hiện đang sống trực tiếp với anh H, cháu Phạm Trung K, sinh ngày 04/10/2018 hiện đang sống trực tiếp với chị T, cuộc sống của các cháu cũng đảm bảo, cháu N có nguyện vọng sống chung với anh H. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K, giao cháu Ngân cho anh H nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 29/9/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 04/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Phương T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T. Xử cho chị Nguyễn Thị Phương T ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Ngọc Bảo N, sinh ngày 29/9/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung tên Phạm Trung K, sinh ngày 04/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Phương T có nghĩa vụ nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* chị T đã nộp theo biên lai thu số 0011280 ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND phường X, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 116 ngày 15/11/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thúy An